Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 20

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TRẠM THẢN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 2	Đường rẽ đi xóm Nhà Trường	Cổng chùa Quang Long	7.000	3.900	2.800	3.040	1.700	1.200	2.300	1.270	920
2		Đất hai bên đường Quốc lộ 2, đoạn còn lại		4.000	2.200	1.600	2.000	1.100	800	1.500	830	600
3	Đường nắn Quốc lộ 2	Đường Quốc lộ 2 cũ (Nhà ông Thống Thuý, khu 11)	Giáp Quốc lộ 2 (nhà ông Tuyên Hạnh, khu 11)	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
4	Đường tỉnh 323D	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ (xã Bảo Thanh cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ (xã Trị Quận cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
5	Đường nắn đường tỉnh 323D	Nhà ông Nguyễn Tiểu Thiên	Cổng nhà ông Trần Văn Thưởng	2.300	1.300	920	920	510	370	700	390	280
6	Đường tỉnh 323G	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ (xã Bảo Thanh cũ)	Giáp địa giới hành chính Phú Mỹ (xã Liên Hoa cũ)	2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
7	Đường tỉnh 323E	Ngã 3 Trạm Thản	Cổng trường mầm non	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
8		Cổng trường mầm non	Giáp địa giới hành chính xã Phú Mỹ (xã Liên Hoa cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
9	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
10	Đường liên xã	Ngã 3 Viên Minh	Ngã 3 rẽ đi xã Phú Mỹ	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
11		Ngã 3 rẽ đi xã Phú Mỹ	Cổng trường cấp 1, 2 xã Trung Giáp	3.000	1.650	1.200	1.200	660	480	900	500	360
12		Nhà ông Hoàng Văn Lưu khu 3 xã Trung Giáp cũ	Giáp địa giới hành chính Phường Phong Châu (xã Phú Hộ cũ)	2.100	1.200	840	840	460	340	630	340	250
13		Giáp Tỉnh lộ 323E (khu 8 xã Trạm Thản cũ)	Giáp Huyện lộ P1 (khu 3 xã Tiên Phú cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
14		Ngã ba gốc đa khu 1	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh (xã Phú Lộc cũ)	1.700	940	680	680	370	270	510	280	200
15		Ngã 3 lối rẽ đi xã Lệ Mỹ	Giáp địa giới hành chính xã Phú Mỹ	2.300	1.300	920	920	510	370	700	390	280

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường trục xã	Cổng trường cấp 1, 2 xã Trung Giáp	Nhà ông Hoàng Văn Lưu khu 3 xã Trung Giáp cũ	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
17		Giáp Quốc lộ 2	Nhà ông Sáu Lệ	1.700	940	680	680	370	270	510	280	200
18		Nhà ông Sáu Lệ	Nhà ông Lương khu 1	1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
19		Tiếp giáp đường tỉnh 323E	Khu xử lý rác thải khu 5	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
20		Quán ông Tài Phượng	Trường THCS Tiên Phú	900	500	360	360	200	140	280	150	100
21		Giáp Trường THCS, đi kho K98	Giáp huyện lộ P3	900	500	360	360	200	140	280	150	100
22	Đường khác	Cổng làng nghề Chùa Tà	Cầu Khải Xuân	900	500	360	360	200	140	280	150	100
23		Giáp QL2, đi Trường mầm non	Giáp huyện lộ P3	900	500	360	360	200	140	280	150	100
24		Giáp Quốc lộ 2	Nhà ông Thống Tĩnh (khu 12)	1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
25		Nhà ông bà Thành Hiền khu 6 xã Trung Giáp cũ	Nhà văn hóa khu 6 xã Trung Giáp cũ	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
26		Nhà ông Hoàng Văn Lưu khu 3 xã Trung Giáp cũ	Nhà ông Thành Độ khu 3 xã Trung Giáp cũ	1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
27		Nhà ông Hà Triệu Tuyến, khu 6	Nhà văn hóa khu 6 xã Trung Giáp cũ	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
28	Đất hai bên đường liên thôn, liên xã			1.000	550	400	400	220	160	300	160	120
*	**Khu đấu giá, tái định cư**											
29	Khu đấu giá Đồng Đình			4.000			1.900			1.500		
30	Đấu giá khu Cầu Đen	Băng 1: Giáp đường liên xã		3.700			1.500			1.110		
31		Băng 2: Từ đường liên xã vào nhà ông Dũng (khu 1 xã Trung Giáp cũ)		3.500			1.800			1.400		
32		Băng 3: Các tuyến còn lại khu đấu giá		3.300			1.500			1.200		
33	Tuyến đường thuộc khu tái định cư Đồng Tung, khu 5			1.100			450			360		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Đất ở tại khu vực giao đất tái định cư, bồi thường bằng đất thuộc dự án tái định cư cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ			1.100			450			360		
35	Tuyến đường thuộc khu đấu giá tái định cư số 3 QL2			2.500			1.000			750		
36	Tuyến đường thuộc khu đấu giá điểm dân cư nông thôn tại khu 10			1.300			520			390		
37	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			800			320			240		